

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI
TRƯỜNG THCS THANH TRÌ**



SÁNG KIẾN

**THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG PHIẾU TỰ HỌC THEO HƯỚNG
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẨM CHẤT CỦA HỌC SINH
TRONG PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6”.**

Lĩnh vực/môn : Địa lí

Cấp học : Trung học cơ sở

Tên tác giả : Đoàn Thị An

Đơn vị công tác: Trường THCS Thanh Trì

Chức vụ : Giáo viên

Năm học 2021 - 2022

MỤC LỤC

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lí do chọn đề tài.....	02
2. Mục đích nghiên cứu.....	02
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	03
4. Phương pháp nghiên cứu.....	03
5. Thời gian, địa điểm nghiên cứu.....	03
6. Đóng góp mới về thực tiễn	03

II. PHẦN NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lí luận.....	04
2.2. Cơ sở thực tiễn.....	10
2.3. Thực nghiệm sư phạm.....	13
2.4. Rút ra bài học kinh nghiệm.....	18

III. PHẦN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận.....	21
2. Kiến nghị.....	21

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO – PHỤ LỤC.....22

V. NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM.....29



I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lí do chọn đề tài

Ngày nay, khi xã hội ngày càng phát triển yêu cầu đặt ra cho học sinh cũng cao hơn, đòi hỏi học sinh phải phát huy được năng lực tự chủ, tự học tập. Nếu học sinh không chịu thay đổi cách học thì sẽ không đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Hiện nay, hầu hết học sinh quá thụ động trong việc khai thác kiến thức và không có phương pháp để tự tìm tòi kiến thức mới, kiến thức thực tế và thế giới bên ngoài.

Nói thực chất là phần lớn học sinh không có thói quen tự học, không tự hình thành thói quen tự học mà luôn thụ động trong việc thu nhận kiến thức. Một điều chúng ta nhận thấy rất rõ ràng rằng một khi các em ở trong tư thế “Chủ động” thì chắc chắn khi giáo viên phân tích giảng giải kiến thức mới các em sẽ hiểu hơn và tiếp thu bài mới nhanh, hiệu quả cao hơn. Nên việc cần làm nhất bây giờ là tạo cho các em một thói quen độc lập suy nghĩ, tự tìm tòi giải quyết vấn đề của cá nhân trước khi tham gia vào các hoạt động nhóm hay tập thể ở trên lớp. Việc khai thác kiến thức của các em đang giới hạn ở trong sách giáo khoa, sao chép mà không biết phân tích, không hiểu bản chất của vấn đề, không biết kết nối thực tế, không đào sâu kiến thức, không có kiến thức mở rộng. Vì vậy rất hạn chế trong việc vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề trong quá trình học thực tế còn rất nhiều khó khăn. Để đáp ứng nhu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 đòi hỏi các em cần phải được phát triển tối đa các năng lực phẩm chất cần thiết của bản thân.

Và “Phiếu tự học” sẽ là một phương tiện học tập cần thiết cho học sinh ngày nay. Đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh covid-19 đang diễn biến ngày càng phức tạp, các em phải kết hợp học trực tiếp và học trực tuyến tại nhà thì vấn đề tự học càng có vai trò quan trọng. Phiếu tự học sẽ hình thành cho các em thói quen tự học, tự tích lũy và tự thu nhận thông tin mới. Trong phiếu học tập không chỉ là những kiến thức cơ bản trong sách giáo khoa mà sẽ là phiếu tích hợp nhiều nội dung, có cả trò chơi, hoạt động trải nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức liên quan đến thực tế cuộc sống, giúp cho học sinh được thay đổi tâm thế, tư tưởng tâm lí học tốt, không khô khan, tạo hứng thú, sự say mê học tập đối với môn học. Sáng kiến này của tôi có thể áp dụng được cho tất cả các tiết học và áp dụng cho tất cả đối tượng học sinh. Chính vì lẽ đó mà tôi đã chọn đề tài **“Thiết kế và sử dụng phiếu tự học theo hướng phát triển năng lực phẩm chất của học sinh trong phân môn Địa lí 6”**.

2. Mục đích nghiên cứu

Sử dụng phiếu tự học (PTH) vào trong quá trình dạy học nhằm tạo thói quen tự học, chuẩn bị kiến thức trước khi học bài mới, rút ngắn thời gian và đạt hiệu quả cao trong quá trình truyền thụ kiến thức mới và tăng thời gian luyện tập và vận dụng. Nhằm phát triển nhiều năng lực phẩm chất của học sinh để đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Học sinh các lớp khối 6 trường THCS Thanh Trì-Hoàng Mai.

+ Năm học 2021-2022: Lớp đối chứng 6A3, 6A4; lớp thực nghiệm 6A2, 6A5

- Phạm vi nghiên cứu: một số bài trong chương trình phân môn Địa lí lớp 6

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điều tra phỏng vấn:

+ Điều tra bằng phiếu, thiết kế phiếu điều tra để tìm hiểu mức độ hứng thú học tập bộ môn của học sinh.

+ Phỏng vấn trực tiếp học sinh sau các giờ học.

- Phương pháp xử lý số liệu:

Sử dụng phần mềm excel để xử lý số liệu từ kết quả nghiên cứu.

- Phương pháp dạy học:

Sử dụng tổ hợp các phương pháp dạy học như: phương pháp dạy học nêu vấn đề, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp quan sát, phương pháp lấy người học làm trung tâm, phương pháp vấn đáp...

5. Thời gian, địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: tiến hành nghiên cứu trong năm học 2021-2022 khi tham gia giảng dạy khối 6.

- Địa điểm nghiên cứu: Trường THCS Thanh Trì – Hoàng Mai

6. Đóng góp mới về mặt thực tiễn

Sáng kiến với các giải pháp được trình bày có nhiều điểm khác, mới so với các giải pháp cũ trước đây:

- Chứng minh được tính khả thi khi áp dụng PTH vào trong dạy học phân môn Địa lí lớp 6.

- Hình thành thói quen tự học ở học sinh và việc tự học sẽ thường xuyên cho tất cả các bộ môn.

- Phát triển và hoàn thiện năng lực phẩm chất của học sinh để đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Rèn luyện cho học sinh nhiều kỹ năng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và sáng tạo khoa học kỹ thuật trong thời đại 4.0.

II. PHẦN NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Quan điểm dạy học

Dạy học là những định hướng tổng thể cho các hành động phương pháp, trong đó có sự kết hợp giữa các nguyên tắc dạy học làm nền tảng, những cơ sở lý thuyết của lý luận dạy học, những điều kiện dạy học và tổ chức cũng như những định hướng về vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học. Quan điểm dạy học là những định hướng mang tính chiến lược, cương lĩnh, là mô hình lý thuyết của phương pháp dạy học. Những quan điểm cơ bản: dạy học giải thích minh họa, dạy học gắn với kinh nghiệm, dạy học kế thừa, dạy học định hướng học sinh, dạy học định hướng hành động, dạy học định hướng mục tiêu, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học giao tiếp, dạy học nghiên cứu, dạy học khám phá.

2.1.2. Quan điểm phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học là con đường để đạt mục đích dạy học. Phương pháp dạy học là hành động của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học. Cách thức hành động bao giờ cũng diễn ra trong những hình thức cụ thể. Cách thức và hình thức không tách nhau một cách độc lập. Phương pháp dạy học là những hình thức và cách thức hoạt động của giáo viên và học sinh trong những điều kiện dạy học nhằm đạt mục đích dạy học. Phương pháp dạy học là những hình thức và cách thức thông qua đó giáo viên và học sinh lĩnh hội những hiện thực tự nhiên và xã hội xung quanh trong điều kiện học tập cụ thể.

Phương pháp dạy học bao gồm: phương pháp thuyết trình, phương pháp vấn – đáp, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp quan sát (quan sát tranh ảnh, quan sát mô hình, quan sát lược đồ...).

Dạy học trực quan (hay còn gọi là trình bày trực quan) là PPDH sử dụng những phương tiện trực quan, phương tiện kỹ thuật dạy học trước, trong và sau khi nắm tài liệu mới, khi ôn tập, khi củng cố, hệ thống hóa và kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

2.1.3. Đổi mới hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông mới

Đổi mới phương pháp dạy học trong đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức; tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực.

Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) mới – mà trước hết là chương trình tổng thể được xây dựng theo định hướng tiếp cận năng lực, phù hợp với xu thế phát triển chương trình của các nước tiên tiến, nhằm thực hiện yêu cầu của Nghị

quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội: "tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hoà trí, đức, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh". Đổi mới phương pháp dạy học là một giải pháp được xem là then chốt, có tính đột phá cho việc thực hiện chương trình này.

Việc đổi mới tư duy giáo dục trong thời đại tri thức nhằm đáp ứng sự thay đổi của cuộc sống là một tất yếu. Những tri thức mới ra đời bổ sung và bồi đắp cho hệ thống tri thức đã có, làm thay đổi cách nhìn nhận, thay đổi từng phần thể giới quan, dẫn đến thay đổi cả phương thức hoạt động của con người và cộng đồng. Theo đó, việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng bối cảnh của thời đại, nhu cầu phát triển đất nước, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, mục tiêu giáo dục phổ thông, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, phù hợp với nội dung giáo dục từng cấp, lớp được xem như một điều kiện có tính tiên quyết, nhằm quán triệt quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013: "Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học". Khắc phục nhược điểm của phương pháp truyền thụ áp đặt một chiều; đồng thời kết hợp hài hoà giữa dạy kiến thức công cụ với kiến thức phương pháp, đặc biệt chú trọng dạy cách học, phương pháp tự học để người học có thể học tập suốt đời. Từ ưu thế của các phương pháp giáo dục, hình thức tổ chức dạy học mới đã triển khai trong những năm gần đây như: phương pháp bàn tay nặn bột, giáo dục trải nghiệm sáng tạo, giáo dục STEM, ... tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong tổ chức dạy học thông qua việc sử dụng các mô hình học tập kết hợp giữa lớp học truyền thống với các lớp học trực tuyến; cùng với việc tổ chức cho người học thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn việc học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học; tăng cường mô hình học tập gắn với thực tiễn, xây dựng và sử dụng tủ sách lớp học, tăng cường hoạt động giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, nâng cao hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa thế giới... Giáo viên tổ chức, hướng dẫn hoạt động, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề nhằm khuyến khích người học tích cực tham gia các hoạt động học tập, tự khẳng định năng lực và nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và vận dụng hiệu quả những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để "phát triển con người toàn diện ở nền công nghiệp 4.0".

2.1.4. Hoạt động tự học

2.1.4.1. Khái niệm tự học

GS – TSKH Thái Duy Tuyên viết: “Tự học là hoạt động độc lập chiếm lĩnh kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo, là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp...) cùng các phẩm chất động cơ, tình cảm để chiếm lĩnh tri thức một lĩnh vực hiểu biết nào đó hay những kinh nghiệm lịch sử, xã hội của nhân loại, biến nó thành sở hữu của chính bản thân người học”.

Tác giả Nguyễn Kỳ ở Tạp chí Nghiên cứu giáo dục số 7/1998 cũng bàn về khái niệm tự học: “Tự học là người học tích cực chủ động, tự mình tìm ra tri thức kinh nghiệm bằng hành động của mình, tự thể hiện mình. Tự học là tự đặt mình vào tình huống học, vào vị trí nghiên cứu, xử lí các tình huống, giải quyết các vấn đề, thử nghiệm các giải pháp...Tự học thuộc quá trình cá nhân hóa việc học”.

Trong bài phát biểu tại hội thảo Nâng cao chất lượng dạy học tổ chức vào tháng 11 năm 2005 tại Đại học Huế, GS Trần Phương cho rằng: “Học bao giờ và lúc nào cũng chủ yếu là tự học, tức là biến kiến thức khoa học tích lũy từ nhiều thế hệ của nhân loại thành kiến thức của mình, tự cải tạo tư duy của mình và rèn luyện cho mình kĩ năng thực hành những tri thức ấy”.

2.1.4.2. Vai trò của tự học

Tự học là mục tiêu cơ bản của quá trình dạy học. Từ lâu các nhà sư phạm đã nhận thức rõ ý nghĩa của phương pháp dạy tự học. Trong quá trình hoạt động dạy học (DH) giáo viên (GV) không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ những tri thức có sẵn, chỉ cần yêu cầu HS ghi nhớ mà quan trọng hơn là phải định hướng, tổ chức cho HS tự mình khám phá ra những quy luật, thuộc tính mới của các vấn đề khoa học. Giúp HS không chỉ nắm bắt được tri thức mà còn biết cách tìm đến những tri thức ấy. Thực tiễn cũng như phương pháp dạy học hiện đại còn xác định rõ: càng học lên cao thì tự học càng cần được coi trọng, nói tới phương pháp dạy học thì cốt lõi chính là dạy tự học. Phương pháp tự học là cầu nối giữa học tập và nghiên cứu khoa học.

Bồi dưỡng năng lực tự học là phương cách tốt nhất để tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập. Một trong những phẩm chất quan trọng của mỗi cá nhân là tính tích cực, sự chủ động sáng tạo trong mọi hoàn cảnh. Và một trong những nhiệm vụ quan trọng của giáo dục là hình thành phẩm chất đó cho người học. Bởi từ đó nền giáo dục mới mong đào tạo ra những lớp người năng động, sáng tạo, thích ứng với mọi thị trường lao động, góp phần phát triển cộng đồng. Có thể xem tính tích cực (hình thành từ năng lực tự học) như một điều kiện, kết quả của sự phát triển nhân cách thế hệ trẻ trong xã hội hiện đại. Trong đó hoạt động tự học là những biểu hiện của sự gắng sức cao về nhiều mặt của từng cá nhân người học

trong quá trình nhận thức thông qua sự hưng phấn tích cực. Mà hưng phấn chính là tiền đề cho mọi hứng thú trong học tập. Có hứng thú người học mới có được sự tự giác say mê tìm tòi nghiên cứu khám phá. Hứng thú là động lực dẫn tới tự giác. Tính tích cực của con người chỉ được hình thành trên cơ sở sự phối hợp ngẫu nhiên giữa hứng thú với tự giác. Nó bảo đảm cho sự định hình tính độc lập trong học tập.

Tự học giúp cho mọi người có thể chủ động học tập suốt đời: học tập để khẳng định năng lực phẩm chất và để cống hiến. Tự học giúp con người thích ứng với mọi biến cố của sự phát triển kinh tế - xã hội. Bằng con đường tự học mỗi cá nhân sẽ không cảm thấy bị lạc hậu so với thời cuộc, thích ứng và bắt nhịp nhanh với những tình huống mới lạ mà cuộc sống hiện đại mang đến, kể cả những thách thức to lớn từ môi trường nghề nghiệp. Nếu rèn luyện cho người học có được phương pháp, kỹ năng tự học, biết linh hoạt vận dụng những điều đã học vào thực tiễn thì sẽ tạo cho họ lòng ham học, nhờ đó kết quả học tập sẽ ngày càng được nâng cao. Với những lí do nêu trên có thể nhận thấy, nếu xây dựng được phương pháp tự học, đặc biệt là sự tự giác, ý chí tích cực chủ động sáng tạo sẽ khơi dậy năng lực tiềm tàng, tạo ra động lực nội sinh to lớn cho người học.

2.1.4.3. Kỹ năng cơ bản của quá trình tự học

- Kỹ năng lập kế hoạch học tập.
- Kỹ năng tìm kiếm và thu thập thông tin.
- Kỹ năng thực hiện các hoạt động học tập.
- Kỹ năng đánh giá, xử lý thông tin và giải quyết vấn đề.
- Kỹ năng quản lí thời gian học tập.

2.1.5. Thực trạng tự học ở trường THCS hiện nay

Hiện nay khi nền giáo dục đổi mới để đáp ứng nhu cầu của xã hội thì năng lực của một bộ phận học sinh không thể đáp ứng được nhu cầu đổi mới. Rất nhiều học sinh không có kỹ năng tự học, học theo hình thức đối phó, học không chủ động và không biết cách tự lĩnh hội kiến thức nên luôn rất nặng nề trong việc thu nhận kiến thức và không hề biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế. Từ đó sinh ra một bộ phận người học lười suy nghĩ, không sáng tạo, không tư duy logic và luôn bị động, không biết cách giải quyết vấn đề khi xuất hiện vấn đề mới. Học sinh của các trường THCS phần lớn là chưa biết cách tự học, học thụ động và chưa thực sự tích cực.

2.1.6. Các loại phiếu sử dụng trong học tập, giảng dạy hiện nay

- Phiếu học tập dùng để xây dựng kiến thức mới: Đây là loại phiếu giáo viên sử dụng hệ thống câu hỏi, hệ thống bài tập để học sinh tự nghiên cứu trả lời. Qua nội
-

dung trả lời câu hỏi bài tập đã hình thành được nội dung kiến thức mới của bài, giúp học sinh nhớ và hiểu sâu kiến thức.

- Phiếu học tập để củng cố kiến thức: Đây là loại phiếu giáo viên dùng hệ thống câu hỏi bài tập để học sinh nghiên cứu trả lời. Qua đó có tác dụng củng cố kiến thức của bài, khắc sâu những kiến thức trọng tâm.

- Phiếu học tập dùng để kiểm tra trắc nghiệm: Đây là loại phiếu dùng để kiểm tra đánh giá học sinh thông qua hệ thống câu hỏi cho học sinh điền vào ô trống hoặc dùng điền đúng sai, hoặc chọn ý đúng nhất, chọn cụm từ để hoàn thiện kiến thức...

2.1.7. Các hoạt động trong phiếu tự học

- Hoạt động 1: Hoạt động khởi động (trải nghiệm, trò chơi...)

- Hoạt động 2: Hoạt động tự nghiên cứu hình thành kiến thức.

- Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

- Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

Hoạt động	Mục tiêu	Năng lực	Phẩm chất	Cách thức tổ chức
Khởi động	Tạo tâm thế, kích thích tư duy hoạt động và hứng thú ban đầu.	Năng lực khoa học, năng lực công nghệ.	Yêu nước, nhân ái.	Có thể tổ chức trò chơi, hỏi nhanh đáp nhanh, mở đầu bằng tình huống có vấn đề, hoặc một thông tin mở rộng.
Hình thành kiến thức mới	Giúp cho học sinh độc lập suy nghĩ và tự mình giải quyết được vấn đề, tự đưa phán đoán và chủ động chiếm lĩnh kiến thức.	Tự chủ và tự học, khoa học, giải quyết vấn đề sáng tạo.	Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	Tìm hiểu kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau: SGK, google, tài liệu học tập khác, để giải quyết vấn đề GV đưa ra.

Luyện tập	Luyện tập, củng cố các kiến thức mới vừa được hình thành.	Tự chủ và tự học, toán học, ...	Chăm chỉ, trách nhiệm	Các dạng bài tập trắc nghiệm, tự luận, sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài.
Vận dụng	Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề, tình huống có mức độ tư duy cao hơn liên quan đến nội dung bài học.	Khoa học, toán học, giải quyết vấn đề sáng tạo, tự chủ và tự học	Chăm chỉ, trách nhiệm, yêu nước.	Học sinh được làm quen với các bài tập ở mức độ tư duy cao hơn, đòi hỏi cần phải suy nghĩ và vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ học tập.

2.1.8. Cách đánh giá trong sử dụng phiếu tự học

Kết quả hoạt động GD trong dạy học bằng PTH được đánh giá trên cơ sở kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của cha mẹ HS và đánh giá của cộng đồng.

Tự đánh giá: Là hoạt động do mỗi HS thực hiện. Tự đánh giá tạo cơ hội để mỗi HS tự xem xét và điều chỉnh nhận thức, hành vi của mình, đồng thời cung cấp thông tin phản hồi có ý nghĩa cho giáo viên về quan niệm giá trị, nhu cầu rèn luyện và cách thức rèn luyện mong muốn của HS. Khi HS trở thành người tự giám sát độc lập, giáo viên cần đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng quan hệ bình đẳng, hợp tác với HS để vừa có thể đồng hành cùng các em vừa có định hướng đánh giá sâu sắc hơn.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ					
STT	Tên thành viên	Công việc được giao	Tiêu chí đánh giá	Tổng điểm	Kí tên

			Ý thức tham gia (tối đa 2,5 điểm)	Chất lượng công việc (tối đa 2,5 điểm)	Ý tưởng sáng tạo (tối đa 2,5 điểm)	Khả năng hợp tác (tối đa 2,5 điểm)		
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								
Phiếu này do nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm tự đánh giá, thời điểm: Sau khi hoàn thành xong toàn bộ sản phẩm, trước buổi báo cáo								Trưởng nhóm xác nhận

Đánh giá đồng đẳng: Là hoạt động đánh giá giữa các HS nhằm cung cấp thông tin phản hồi để cùng học hỏi và hỗ trợ nhau. Đánh giá đồng đẳng tạo cơ hội cho HS phát triển tinh thần hợp tác, tư duy phản biện và khả năng thuyết phục người khác. Từ đánh giá đồng đẳng, giáo viên cũng thu nhận được thông tin về quan niệm giá trị, nhu cầu rèn luyện và cách thức rèn luyện mong muốn của HS.

TT	NỘI DUNG	TRUNG BÌNH 1	KHÁ TỐT 2	TỐT 3	XUẤT SẮC 4
1	Kiến thức	Kiến thức sơ sài, không đầy đủ	Kiến thức tương đối đầy đủ so với mục tiêu và tài liệu	Kiến thức đầy đủ, chính xác, đảm bảo mục tiêu	Kiến thức đầy đủ, chính xác, đảm bảo mục tiêu.

			được cung cấp		Các kiến thức, ví dụ ngoài tài liệu phong phú, chuyên sâu
2	Thuyết trình	Thuyết trình không rõ ràng, người nghe khó tiếp nhận thông tin	Thuyết trình to, rõ, người nghe dễ nắm bắt được thông tin	Thuyết trình to, rõ ràng, dễ hiểu, cuốn hút người nghe	Thuyết trình to, rõ ràng, dễ hiểu, cuốn hút người nghe, quan tâm đến người nghe, có sự sáng tạo (tạo tình huống, đặt câu hỏi phản biện)

Đánh giá của giáo viên: Là sự thu thập, xử lý các thông tin về quá trình HS thực hiện các nhiệm vụ của hoạt động (qua bài kiểm tra vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nghiên cứu, dự án nghiên cứu...) và về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Thực trạng tự học tại trường THCS Thanh Trì

Trong mỗi nhà trường, môn Địa lí nói chung và Phân môn Địa lí 6 nói riêng nó đóng vai trò rất quan trọng. Nó giúp cho các em làm quen với chương trình Địa lí 6, hình thành được những kiến thức Địa lí đại cương cơ bản, về mối quan hệ giữa thiên nhiên với con người. Từ đó, giúp các em có được nền tảng kiến thức đại cương vững chắc để học lên những lớp học cao hơn. Bên cạnh đó, Địa lí 6 cũng giúp cho các em bước đầu có được những kỹ năng cơ bản khi được làm quen với bản đồ, lược đồ, bảng số liệu...để khai thác kiến thức. Môn học này không chỉ gắn liền với thiên nhiên mà còn có cả với thực tế.

Mặc dù vậy nhưng phần lớn các em học sinh vẫn coi đây là môn học thứ yếu, không quan trọng. Chính vì vậy, các em rất lơ là trong việc học Địa lí nhất là các em học sinh lớp 6 đầu cấp. Nhưng thực tế môn Địa lí là một môn rất cần thiết cho thế hệ trẻ ngày nay và cho tất cả mọi người. Vì khi các em nắm được các kiến thức về Địa lí các em sẽ hiểu rõ hơn về Trái Đất, về các quy luật vận động của Trái Đất, hiểu rõ hơn về quá khứ, hiện tại và tương lai của toàn cầu, cũng như vai trò của địa phương đối với phần còn lại của thế giới.

Trong việc nâng cao chất lượng giáo dục nói chung, môn Địa lí nói riêng. Việc tiến hành đổi mới phương pháp dạy học là một nhân tố quan trọng bên cạnh

bồi dưỡng kiến thức chuyên môn. Thực tế, khi thực hiện cải cách giáo dục phải thực hiện trên 3 mặt: Hệ thống giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, Không ít giáo viên coi nhẹ phương pháp dạy học. Do đó, phương pháp dạy học nhìn chung còn mang tính bảo thủ, truyền thống dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

Thực hiện khảo sát hoạt động tự học đầu năm của học sinh ở một số lớp 6, trường THCS Thanh Trì có kết quả như sau:

Lớp	Số số học sinh	Số lượng học sinh có thói quen tự học		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không học
6A2	44	24 (54,5%)	18 (41%)	2 (4,5%)
6A3	43	23 (53,5%)	17 (39,5%)	3 (7%)
6A4	44	19 (43,2 %)	21 (47,7%)	4 (9,1%)
6A5	40	21 (52,5 %)	15 (37,5%)	4 (10%)

Hầu hết học sinh đều học một cách thụ động, phụ thuộc nhiều vào sách giáo khoa. Khi trên lớp chỉ biết ghi chép, học bài mới, không có ý thức tự học, chuẩn bị bài trước khi lên lớp. Hơn thế, trong suốt gần 1 năm học các em phải học trực tuyến đã tạo ra rất nhiều khó khăn, kết quả học tập không cao. Từ đó, các em không có hứng thú với môn học.

2.2.2. Giải pháp

Từ thực trạng trên, trong suốt quá trình dạy học bản thân tôi đã luôn trăn trở tìm giải pháp thích hợp để giờ học bớt nhàm chán, căng thẳng đồng thời học sinh có hứng thú học tập hơn, hiểu kiến thức mới một cách sâu hơn từ kiến thức cơ bản sách giáo khoa cung cấp.

Trường THCS Thanh Trì là trường nằm ở quận nội thành Hà Nội trong suốt thời gian dài các em phải nghỉ học trực tiếp chuyển qua hình thức học trực tuyến do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19. Các em học sinh, đặc biệt là học sinh khối 6 các em vừa phải làm quen với môn học mới đầu cấp, kiến thức khó đồng thời vừa khó khăn khi học trực tuyến. Các em rất khó để lĩnh hội đầy đủ kiến thức Địa lí 6 một cách trọn vẹn. Vì thế, để định hướng, tạo thói quen cho các em tự học và tự nghiên cứu bài học trước khi lên là rất cần thiết.

2.2.3. Một số kinh nghiệm trong thiết kế và sử dụng phiếu tự học trong dạy học phân môn Địa lí 6

2.2.3.1. Các bước thiết kế phiếu tự học

- Bước 1: Lựa chọn chủ đề/ bài để xây dựng nội dung phiếu tự học.
- Bước 2: Xác định nội dung của phiếu tự học, cách trình bày nội dung của phiếu tự học và hình thức thể hiện trong phiếu. Nội dung của phiếu tự học được xác định dựa vào một số cơ sở sau: mục tiêu của bài học, kiến thức cơ bản và mở rộng,

phương pháp và PTDH, chú ý cung cấp cơ sở về tư liệu để học sinh có khả năng tự hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Bước 3: Viết phiếu học tập: Các thông tin, yêu cầu... trên phiếu học tập phải được ghi rõ ràng, ngắn gọn, chính xác, dễ hiểu. Phần dành cho học sinh điền các thông tin phải có khoảng trống thích hợp. Cách trình bày phiếu phải đảm bảo tính khoa học, thẩm mỹ.

2.2.3.2. Cách sử dụng phiếu tự học

- Bước 1: Học sinh nhận phiếu tự học (giáo viên có thể giới thiệu các tài liệu, nguồn thông tin có liên quan cho học sinh tham khảo).

- Bước 2: Học sinh tìm kiếm, ghi chép thông tin có liên quan và xử lý thông tin đã thu thập để hoàn thành phiếu tự học.

- Bước 3: Trình bày kết quả tự nghiên cứu đã ghi vào phiếu tự học.

- Bước 4: GV hướng dẫn học sinh tự kiểm tra, chỉnh sửa, giải đáp thắc mắc về các nội dung trong phiếu tự học qua quá trình dạy học.

- Bước 5: Hoàn chỉnh kiến thức vào phiếu tự học.

2.3. Thực nghiệm sư phạm

Trong những năm đầu mới bước vào nghề khi thực hiện các tiết dạy đặc biệt khi dạy nội dung Địa lí 6, kiến thức địa lí tự nhiên đại cương khá khó, ngôn ngữ triu tượng kiến thức rộng, tôi vô cùng lúng túng khi truyền tải kiến thức cho học sinh mặc dù bản thân đã tìm mọi phương pháp tốt nhất để dạy học nhưng thời lượng 1 tiết học trên lớp chỉ 45 phút không đủ thời gian để truyền đạt hết lượng kiến thức cho học sinh, kết quả giờ học đều không như mong muốn, học sinh hiểu bài không sâu, không hứng thú trong học tập, thụ động trong tiếp nhận kiến thức. Từ đó tôi đã tiến hành nghiên cứu đề tài và được đưa vào sử dụng trong những năm học ở các lớp tôi được phân công giảng dạy nhưng đến năm học 2021-2022 tôi mới nghiên cứu sâu và tiến hành thực nghiệm để kiểm chứng. Giúp học sinh chủ động, tự ý thức hơn trong học tập, có sự chuẩn bị bài trước khi lên lớp. Khi lựa chọn các lớp để tiến hành thực nghiệm và lớp đối chứng tôi đã chọn những lớp có sĩ số và trình độ kiến thức tương đối giống nhau để thực nghiệm.

2.3.1. Lớp đối chứng

- Là những lớp không sử dụng phiếu tự học trước khi học sinh lên lớp học kiến thức bài mới bao gồm lớp 6A3, 6A4 năm học 2021-2022:

*** Mức độ hứng thú học tập**

Bảng 2.1. Mức độ hứng thú học tập của các lớp đối chứng

Lớp	Năm học	Sĩ số	Mức độ hứng thú học tập		
			Rất thích	Thích	Không thích

			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
6A3	2021 - 2022	43	5	11.6 %	10	23.3 %	28	65.1 %
6A4	2021 - 2022	44	4	9.1 %	11	25,0 %	29	65.9 %

Kết quả điều tra (bảng 2.1.) về mức độ hứng thú học tập bộ môn Địa lí ở các lớp đối chứng tỉ lệ rất thích cho đến thích là rất thấp, số học sinh không thích chiếm tỉ lệ khá cao. Lí do các em cho rằng bắt buộc phải học và học nhằm mục đích để tham gia kiểm tra và thi học kì. Học sinh ở các lớp đối chứng khi được hỏi vì sao không thích học bộ môn Địa lí các em đều có chung câu trả lời “nội dung bài học dài, kiến thức địa lí tự nhiên khó”.

* Hiệu quả học tập

Bảng 2.2. Hiệu quả học tập của các lớp đối chứng

Lớp	Năm học	Sĩ số	Hiệu quả học tập							
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
6A3	2021- 2022	43	21	48,8 %	12	27,9 %	8	18,6 %	2	4,7 %
6A4	2021- 2022	44	20	45,5 %	15	34,1 %	6	13,6 %	3	6,8 %

Kết quả nghiên cứu (bảng 2.2.) cho thấy tỉ lệ học sinh có kết quả học tập đạt khá giỏi ở các lớp đối chứng tương đối thấp, tỉ lệ trung bình yếu cao điều này cho thấy sự hứng thú trong học tập của học sinh ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh.

2.3.2. Lớp thực nghiệm

- Lớp thực nghiệm là những lớp mà tôi đã tiến hành thiết kế và sử dụng phiếu tự học định hướng cho học sinh chuẩn bị ở nhà trước khi học bài mới trên lớp.

* Mức độ hứng thú học tập

Bảng 2.3. Mức độ hứng thú học tập của các lớp đối chứng

Lớp	Năm học	Sĩ số	Mức độ hứng thú học tập					
			Rất thích		Thích		Không thích	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %

6A2	2021 - 2022	44	18	40.1	21	47.7	5	11.4
6A5	2021 - 2022	40	15	37.5	24	60	1	2.5

- Kết quả (bảng 2.3.) cho thấy nếu sử dụng phiếu tự học, học sinh tự tìm hiểu bài trước khi lên thì trong các giờ học, học sinh học tập chủ động hơn trong việc tiếp nhận kiến thức, có hứng thú hơn trong học tập điều này được thể hiện qua kết quả điều tra thì số học sinh rất thích và thích học bộ môn chiếm tỉ lệ cao từ khoảng 87% - 97%.

* Hiệu quả học tập

Bảng 2.4. Hiệu quả học tập của các lớp thực nghiệm

Lớp	Năm học	Số	Hiệu quả học tập							
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
6A2	2021-2022	44	27	61,4 %	14	31,8 %	3	6,8 %	0	0 %
6A5	2021-2022	40	27	67,5 %	9	22,5 %	4	10 %	0	

Kết quả (bảng 2.4.) cho thấy hiệu quả học tập của học sinh đã được nâng cao lên rất nhiều khi sử dụng phương pháp dạy học này. Số học sinh có kết quả học tập khá, giỏi chiếm tỉ lệ cao trong kiểm tra đánh giá ở các lớp thực nghiệm, điều này càng khẳng định tính hiệu quả của phương pháp đã kích thích sự hứng thú học tập, tự giác trong lĩnh hội kiến thức cho học sinh đồng thời là nâng cao được hiệu quả học tập.

2.3.3. So sánh giữa các lớp đối chứng và thực nghiệm

* So sánh mức độ hứng thú học tập giữa học sinh các lớp đối chứng và học sinh các lớp thực nghiệm

Bảng 2.5. So sánh mức độ hứng thú học của học sinh

Lớp	Tổng số học sinh	Mức độ hứng thú học tập					
		Rất thích		Thích		Không thích	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Đối chứng	87	9	10,3%	21	24,1	57	65,5%
Thực nghiệm	84	33	39,3%	45	53,6%	6	7,1%

Qua (bảng 2.5.) cho thấy việc sử dụng phiếu tự học đã tạo được sự tự giác tìm hiểu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp của học sinh giúp các em hứng thú trong học tập hơn khi học trên lớp.

*** So sánh hiệu quả học tập giữa học sinh các lớp đối chứng và học sinh các lớp thực nghiệm**

Bảng 2.6. So sánh hiệu quả học tập của học sinh

Lớp	Tổng số học sinh	Hiệu quả học tập							
		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số Lượng	Tỉ lệ %
Đối chứng	87	41	47,1 %	17	19,5 %	14	16,1 %	5	5,7 %
Thực nghiệm	84	54	64,3 %	23	27,4 %	7	8,3 %	0	0 %

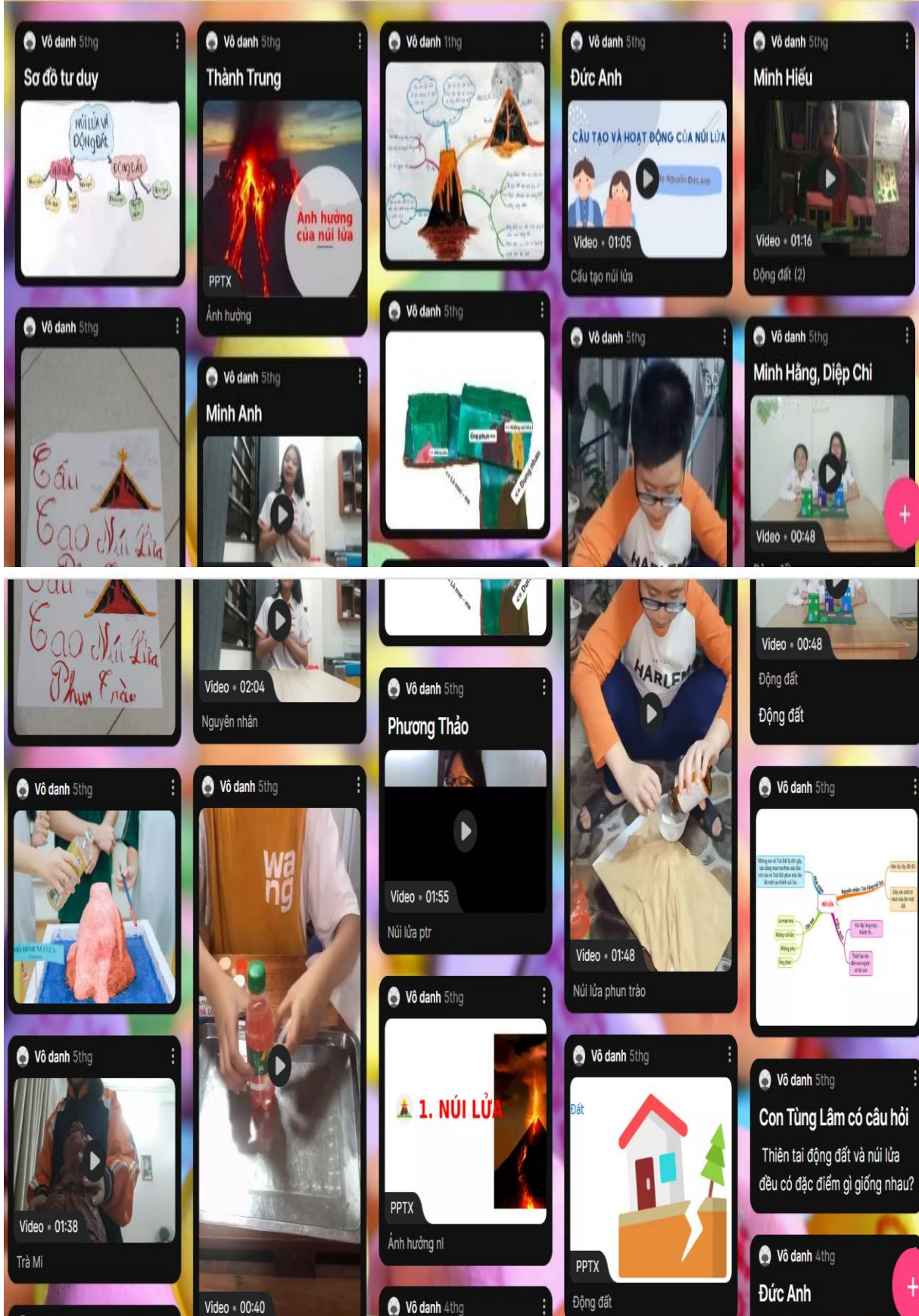
Kết quả (bảng 2.6.) hiệu quả học tập của học sinh thông qua việc kiểm tra đánh giá ở các lớp có sử dụng phiếu tự học cho học sinh thì có kết quả học lực khá giỏi ở các lớp thực nghiệm cao hơn nhiều so với các lớp đối chứng không sử dụng phương pháp.

Sau quá trình thực nghiệm việc thiết kế và sử dụng phiếu tự học trong phân môn Địa lí 6 tại lớp thực nghiệm 6A2, 6A5. Tôi nhận thấy trong các tiết học có sử dụng PTH học sinh rất hứng thú và tích cực hoạt động hơn trong các tiết dạy, các em có cơ hội tự tìm hiểu, trao đổi kiến thức để hoàn thành yêu cầu của PTH, độc lập nghiên cứu SGK cũng tăng lên. Số lượng học sinh học thụ động, lười động não giảm đáng kể. Nhìn chung các em đều rất chủ động tích cực học tập, hoạt động nhóm và trao đổi rất hứng thú, say mê, đa số các em nắm được kiến thức và việc ghi nhớ, vận dụng kiến thức hiệu quả hơn.

Một tiết học tại lớp 6A2:

ĐỊA LÍ 6A2

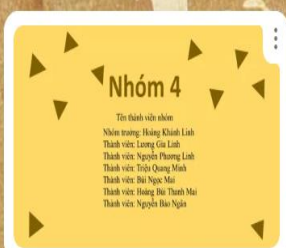
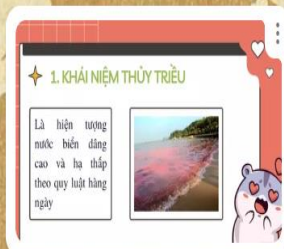
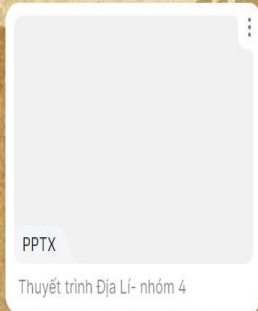
6A2 tự tin tỏa sáng

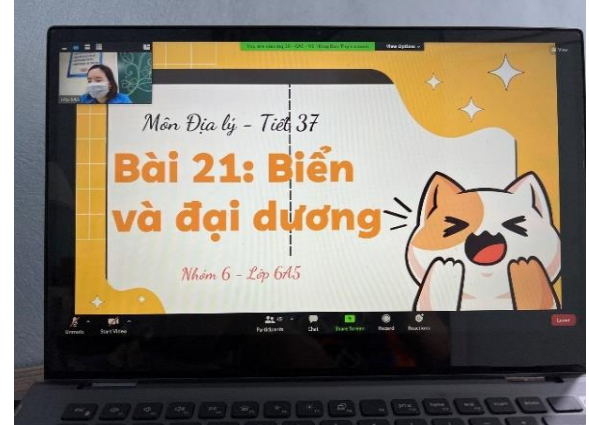


Hoạt động học tập tại lớp 6A5:

6A5

Tự tin tỏa sáng





Sử dụng PTH giúp học sinh tích cực, tự lực phát hiện, giải quyết các vấn đề để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức mới một cách linh hoạt, chủ động, sáng tạo.

Rèn được phương pháp tự học cho học sinh thông qua việc các em tự tìm tòi, nghiên cứu SGK giải quyết các vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên ở trên lớp đồng thời là cơ sở để xây dựng phương pháp tự học ở nhà của học sinh.

2.4. Rút ra bài học kinh nghiệm.

Theo kết quả thực nghiệm tại lớp 6A2, 6A5 trong năm học 2021-2022, tôi đã đúc rút một số kinh nghiệm như sau:

*** Đối với giáo viên**

Việc thiết kế phiếu tự học là điều rất cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục, tuy nhiên để thiết kế và sử dụng phiếu tự học có hiệu quả thì cần thêm thời gian nghiên cứu và thực nghiệm.

***Đối với học sinh.**

HS có hứng thú cao với việc sử dụng phiếu tự học và nhiều em đều cho rằng phương tiện này phù hợp để ứng dụng vào học tập bộ môn Địa lí. Trong học tập, các em học sinh được độc lập suy nghĩ, tự mình giải quyết vấn đề, độc lập, quyết đoán, chủ động trong lĩnh hội kiến thức và còn được kết nối giải quyết vấn đề với bạn bè, thầy cô được làm quen với nhiều phần mềm hữu ích phục vụ cho việc học.

Vì vậy, để có được kết quả dạy và học tốt nhất đòi hỏi người giáo viên phải có tâm huyết với nghề, bên cạnh đó còn cần sự hỗ trợ của nhà trường, gia đình, các đoàn thể...., để giáo dục học sinh phát triển toàn diện cả về đức, trí, thể, mỹ ... chuẩn bị hành trang vững chắc cho các em bước vào cuộc sống.

Là một giáo viên tôi luôn mong ước mang đến cho học sinh những giờ học thật sự hấp dẫn, tạo mọi điều kiện cho các em tự khẳng định mình, lĩnh hội kiến thức, học tập tốt, nâng cao chất lượng học và hiệu quả của tiết học. Vì vậy người giáo viên cần phải không ngừng học hỏi và tự đổi mới chính mình, đầu tư chuyên môn.

Bằng những kinh nghiệm có được qua những giờ lên lớp, trao đổi với các bạn đồng nghiệp, dự giờ thăm lớp, hội giảng, chuyên đề. Qua quá trình thực hiện sáng kiến kinh nghiệm tôi nhận thấy để nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục bộ môn Địa lí cho học sinh cần chú ý một số vấn đề sau:

- Để một giờ dạy đạt kết quả tốt giáo viên phải chịu khó tìm tòi nghiên cứu, thiết kế giáo án mà trong đó sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy năng lực học sinh.

- Khi hướng dẫn về nhà giáo viên yêu cầu học sinh làm lại bài tập vào vở và thông báo chuẩn bị tìm hiểu nội dung tiết học sau qua phiếu tự học. Trong quá trình hoàn thiện phiếu các em có thể dựa trên nhiều nguồn tư liệu khác nhau như SGK, tài liệu trên mạng, sách báo trên thư viện nhà trường..., trao đổi với bạn bè, GV bộ môn những vấn đề còn thắc mắc.

- Học sinh phải chuẩn bị bài học chu đáo. Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh, đoạn video....

- Học sinh phải mạnh dạn nhanh nhẹn, sôi nổi trong các hoạt động học tập của cá nhân, nhóm.

III. PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật thì các phương tiện dạy học hiện đại ngày càng phổ biến, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin đã có tác dụng không nhỏ đối với phương pháp dạy học Địa lí THCS nói chung và phương pháp thiết kế và sử dụng phiếu tự học trong phân môn Địa lí 6 nói riêng, việc sử dụng phiếu tự học trong chương trình Địa lí cũng cần phải được nhìn nhận nhiều góc độ khác nhau, cần được sử dụng rộng rãi trong dạy học Địa lí theo hướng tích cực, mang lại hiệu quả cao và phù hợp với hoàn cảnh. Việc xây dựng nội dung phiếu tự học cần phải lựa chọn phù hợp với trình độ của học sinh, giáo viên cần hướng dẫn học sinh cụ thể và hình thành ở học sinh kỹ năng Địa lí cho các em.

Phiếu tự học là phương tiện để học sinh khai thác kiến thức và rèn luyện kỹ năng Địa lí, đồng thời làm tăng tính hứng thú học tập của học sinh. Đồng thời góp phần phát triển các năng lực, phẩm chất cho học sinh, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông mới.

2. Kiến nghị

Để nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy, tôi kính mong các cấp lãnh đạo có những đánh giá và quan tâm hơn nữa đến bộ môn Địa lí, cung cấp thêm những tư liệu, thiết bị dạy học hiện đại, tổ chức các lớp tập huấn, trao đổi và học tập về phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực cho giáo viên.

Xin chân thành cảm ơn!

Rất mong nhận được ý kiến nhận xét đóng góp của cấp trên và đồng nghiệp.

Hà Nội, Ngày 17 tháng 4 năm 2022

Người viết

Đoàn Thị An

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO – PHỤ LỤC

1. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên), *Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí Trung học cơ sở*, NXB ĐHSP.
2. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Phúc, 2004. *Lý luận dạy học Địa lí*, NXB ĐHSP Hà Nội.
3. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thu Hằng, 2003. *Phương pháp dạy học địa lí theo hướng tích cực*, NXB ĐHSP Hà Nội.
4. Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỹ, Đào Ngọc Hùng, Đặng Văn Đức (đồng tổng chủ biên), 2021, *Lịch sử và Địa lí 6*, NXB GD.
5. Đào Ngọc Hùng (chủ biên phần Địa lí), 2021, *SGV Lịch sử và Địa lí 6*, NXB GD.

PHỤ LỤC

Một số phiếu tự học tôi đã thiết kế và sử dụng trong các tiết học tại các lớp thực nghiệm:



BÀI 1: HỆ THỐNG KINH, Vĩ TUYẾN. TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ

Yêu cầu cần đạt

- Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, các bán cầu và toạ độ địa lí, kinh độ, vĩ độ.
- Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và kinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến. Ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.

1 Hoạt động khởi động

Ngày nay, các con tàu ra khơi đều có gắn các thiết bị định vị để thông báo vị trí của tàu. Vậy dựa vào đâu để người ta xác định được vị trí của con tàu khi đang lênh đênh trên biển?

.....

.....

.....

2 Hoạt động hình thành kiến thức mới

1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến

? Dựa vào hình 2 và đọc thông tin trong mục 1, em hãy:

- Xác định đường kinh tuyến gốc và vĩ tuyến gốc:
-
-
- Cho biết thế nào là kinh tuyến tây, kinh tuyến đông, vĩ tuyến bắc, vĩ tuyến nam:
-
-
-

Hình 2: Các đường kinh tuyến, vĩ tuyến trên quả Địa Cầu

So sánh độ dài các kinh tuyến với nhau?

.....

.....

.....

So sánh độ dài giữa các vĩ tuyến với nhau?

.....

.....

.....



So sánh độ dài các kinh tuyến với nhau?

.....

.....

.....



So sánh độ dài giữa các vĩ tuyến với nhau?

.....

.....

.....

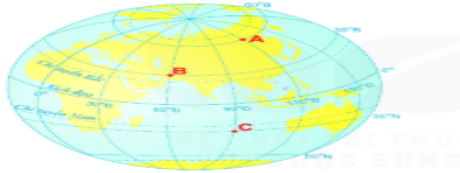
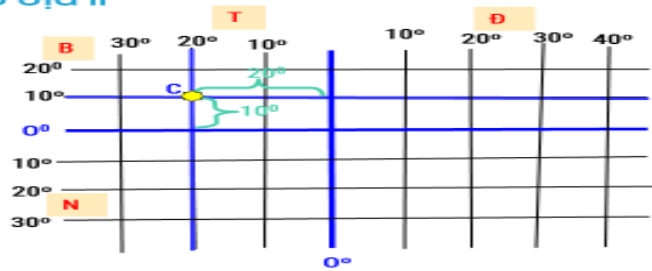
2. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí

Quan sát lên hình, hãy cho biết:

Như thế nào là kinh độ?

Như thế nào là vĩ độ?

Tọa độ địa lí là gì?



Hình 4. Một số địa điểm trên quả Địa Cầu

Xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B, C trên hình 4:

3. Hoạt động luyện tập

1. Hãy cho biết số lượng các đường kinh tuyến, vĩ tuyến phải vẽ trong các trường hợp sau:

- Cách 1° vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến.

- Cách 5° vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến.

- Cách 20° vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến.

- Cách 30° vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến.

Số lượng
kinh tuyến
360

Số lượng
vĩ tuyến
181

3. Ghép các ô bên trái với các ô bên phải sao cho phù hợp:

1	1. Kinh tuyến	A. Khoảng cách tính bằng độ từ vĩ tuyến gốc đến vĩ tuyến đi qua điểm đó.
2	2. Vĩ tuyến	B. Khoảng cách tính bằng độ từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó.
3	3. Kinh độ	C. Nửa đường tròn nối hai cực trên bề mặt quả Địa Cầu.
4	4. Vĩ độ	D. Vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu và vuông góc với kinh tuyến.

4. Hoạt động vận dụng

4. Tra cứu internet và xác định tọa độ địa lí của các điểm cực phần đất liền của nước ta

Cực Bắc?		Tỉnh.....
Cực Nam?		Tỉnh.....
Cực Đông?		Tỉnh.....
Cực Tây?		Tỉnh.....





BÀI 17: THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Yêu cầu cần đạt

- Trình bày được khái niệm biến đổi khí hậu.
- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.
- Phân tích được một số nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu.
- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu của bản thân và mọi người xung quanh

1 Hoạt động khởi động



Trong tình huống sau: Theo em Lan đúng? Vì sao? hay Nam đã nói

.....

.....

.....

.....

.....

Vào một ngày có nắng nhẹ, không mây mà không mưa...

Theo em bạn nào nói đúng?

Lan: thời tiết hôm nay thật là đẹp



Nam: khí hậu hôm nay thật là đẹp



2 Hoạt động hình thành kiến thức mới



1. Thời tiết và khí hậu



Dựa vào bản tin dự báo thời tiết ở trên, em hãy:

+ Nêu những yếu tố được sử dụng để biểu hiện thời tiết?.....

+ Mô tả đặc điểm thời tiết của từng ngày trong bảng?.....

- Thời tiết là:.....

- Sự lặp đi lặp lại của các hiện tượng thời tiết trong nhiều năm được gọi là....

Thời gian	Thứ ba, 06/03/2018	Thứ tư, 07/03/2018	Thứ năm, 08/03/2018	Thứ sáu, 09/03/2018
Thời tiết	Mưa rào nhẹ	Có lúc có nắng	Có mưa	Ít mây, trời nắng
Nhiệt độ (°C)				
thấp nhất	21	23	18	17
cao nhất	26	29	23	21
Độ ẩm (%)	80	75	77	65
Gió	Đông bắc	Đông bắc	Đông bắc	Đông bắc



Dựa vào thông tin SGK, em hãy tìm hiểu sự khác nhau giữa thời tiết và khí hậu

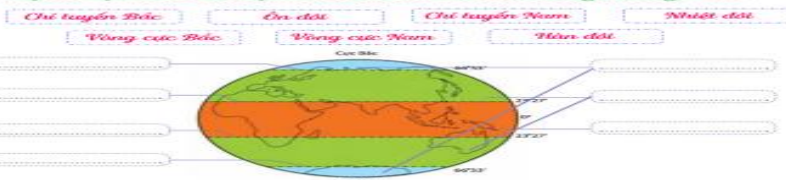
Dấu hiệu	Thời tiết	Khí hậu
Thời gian		
Phạm vi		
Nhịp độ thay đổi		
Dự báo		



2. Các đới khí hậu trên Trái Đất



Lựa chọn các từ, cụm từ để điền vào ô trống trong hình



Dựa vào kết quả làm bài tập, em hãy kể tên các đới khí hậu chính trên Trái Đất?

- Tại sao có sự phân chia bề mặt Trái Đất thành các đới khí hậu khác nhau theo vĩ độ?



Dựa vào hình 1, thông tin SGK trang 161, em hãy hoàn thiện bảng kiến thức về các đới khí hậu trên Trái Đất.

Đới khí hậu	Đới nóng	2 Đới ôn hòa	2 Đới lạnh
Vị trí			
Góc chiếu của ánh sáng MT			
Nhiệt độ			
Ước lượng mưa			
Đặc điểm khí hậu	Gió thổi thường xuyên		



3. Biến đổi khí hậu



Dựa vào thông tin dưới đây, em hãy cho biết biến đổi khí hậu là gì?

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG LỊCH SỬ

9000 NĂM TRƯỚC ĐÂY

Nhiều đợt núi lửa phun trào mạnh, khiến trái đất đã ngừng cần ánh sáng Mặt Trời, xuống Trái Đất, khiến bề mặt Trái Đất lạnh đi trong một thời gian dài.

30000 NĂM TRƯỚC ĐÂY

Trái Đất trải qua kỷ băng hà, hầu hết lục địa Bắc Mỹ và lục địa Á Âu nằm toàn bị bao phủ bởi băng tuyết. Mọi nước biển trong thời kỳ này thấp hơn hiện nay tới 120m.

10000 NĂM TRƯỚC ĐÂY

Khí hậu Trái Đất ấm dần. Mặc dù có một số thời kỳ Trái Đất lạnh đi nhưng xu hướng chủ đạo là ấm dần lên.

NĂM 1900

Trái Đất trải qua một thời kỳ "thiếu băng hà". Rất nhiều đợt núi lửa phun trào khiến cho nhiệt độ của Trái Đất ngày càng ấm lên.

NĂM 1950

Thời điểm này đánh dấu sự khởi đầu của Cách mạng Công nghiệp. Bắt đầu từ đây khí hậu Trái Đất ngày càng ấm lên.

NĂM 2000

Khí hậu Trái Đất đã nóng lên một cách bất thường trong vòng 150 năm vừa qua.

Tìm hiểu thông tin SGK, mạng internet, em hãy:

- Hoàn thiện thông tin về nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của biến đổi khí hậu?

Biến đổi khí hậu	
Biểu hiện	
Nguyên nhân	
Hậu quả	

- Biến đổi khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến Việt Nam?

Dựa vào thông tin SGK trang 161, 162 và hiểu biết của mình, em hãy:

- Kể tên một số thiên tai thường xảy ra ở nước ta?

- Cho biết thiên tai là gì?

Tìm hiểu thông tin SGK em hãy cho biết để phòng chống thiên tai chúng ta cần phải làm gì?

Chủ động phòng - ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai

+ Trước khi thiên tai xảy ra:.....

+ Khi thiên tai xảy ra:.....

+ Sau khi thiên tai xảy ra:.....

Hành động của em

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Hành động nhỏ - ý nghĩa lớn

Mặc cây làm chống nồm nồm
Đeo dây chum lại nên nên nồm nồm

Nhân tình bằng hành động của
bản thân, nhưng chúng ta
còn thể cùng nhau tạo nên
sự thay đổi to lớn cho xã
hội và trái đất.

LÀ HỌC SINH EM CÓ THỂ LÀM GÌ ĐỂ GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU?

3 Hoạt động luyện tập



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Hoạt động vận dụng



Vận dụng - mở rộng



Hãy đưa ra một thông điệp kêu gọi mọi người tham gia bảo vệ môi trường.

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THÔNG ĐIỆP

STT	Tiêu chí	Điểm	Tối đa
1	Độ dài không quá 20 từ		2 điểm
2	Thông điệp rõ ràng, đúng nội dung...		2 điểm
3	Khẩu hiệu dễ nhớ		2 điểm
4	Khẩu hiệu được trình bày đẹp mắt, thu hút		2 điểm
5	Nhóm đọc khẩu hiệu đồng thanh và đều		2 điểm



BÀI 20: SÔNG VÀ HỒ. NƯỚC NGẦM VÀ BĂNG HÀ

Yêu cầu cần đạt

- Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.
- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.
- Có ý thức sử dụng hợp lý và bảo vệ nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà

1 Hoạt động khởi động

Câu đố

Đã đi là chỉ về xuôi
Dầu trăm ngã vẫn một nơi hội cùng
Lúc thì giận dữ điên cuồng
Khi thì hiền dịu, ung dung dịu dàng
Là gì?



2 Hoạt động hình thành kiến thức mới

1. Sông, hồ

Nhiệm vụ 1: Hãy vẽ một con sông theo trí tưởng tượng của em.

- Kết hợp thông tin SGK, cho biết sông là gì?

- Kể tên các nguồn cung cấp nước cho sông?



Học, S, N

Hãy vẽ một con sông theo trí tưởng tượng của em.

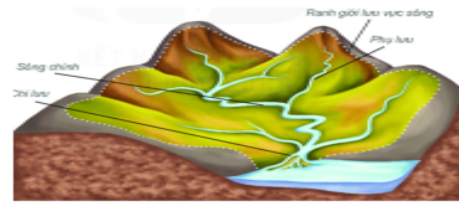


Nhiệm vụ 2: Quan sát hình 1, em hãy cho biết:

- Hệ thống sông bao gồm các bộ phận nào?

- Phụ lưu, chi lưu của sông là gì?

- Lưu vực sông là gì?



Hình 1. Mô hình hệ thống sông

Nhiệm vụ 3: Nhóm – Tìm hiểu chế độ nước sông

- GV chia lớp thành các nhóm 4-6 học sinh.

- Dựa vào thông tin SGK và hiểu biết của mình hoàn thiện nội dung phiếu học tập số 1

Câu hỏi	Trả lời
1. Chế độ nước sông là gì?	
2. Mối quan hệ giữa nguồn cung cấp nước và mùa lũ của sông?	- Nguồn cung cấp nước chính là mưa, thì mùa lũ của sông - Nguồn cung cấp nước chính là tuyết tan, thì mùa lũ..... - Nguồn cung cấp nước chính là băng tan, thì mùa lũ..... - Sông có nhiều nguồn cung cấp nước, thì mùa lũ của sông.....
3. Ảnh hưởng của mùa lũ đến đời sống và sản xuất của con người?	- Tích cực: - Tiêu cực:

Nhiệm vụ 4: Dựa vào thông tin SGK và hình ảnh sau, em hãy cho biết:

Hồ là gì?



- Hồ là.....

Phân loại hồ?

Tính chất nước

Hồ.....

Hồ.....

Nguồn gốc hình thành

Hồ.....

Hồ.....

Hồ.....

2. Nước ngầm (nước dưới mặt đất)

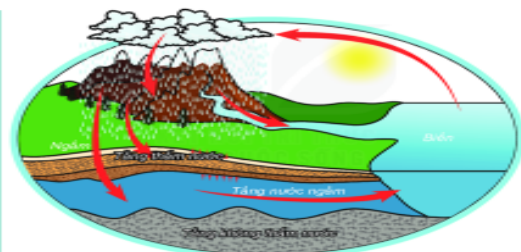
Dựa vào hình bên, thảo luận nhóm em hãy :

1. Cho biết nước ngầm được hình thành như thế nào?

2. Nước ngầm chủ yếu được sử dụng vào mục đích gì?

3. Tại sao cần sử dụng tiết kiệm và tránh làm ô nhiễm nguồn nước ngầm?

4. Nêu một số biện pháp sử dụng hợp lý và bảo vệ nước ngầm?



Hình 3. Sơ đồ sự hình thành nước ngầm

3. Băng hà



Hình 8. Sông băng trên dãy núi An-pơ

Băng hà

10% diện tích lục địa

99% ở đảo Grơnlê và Nam cực

70% lượng nước ngọt trên Trái Đất



Băng hà là gì?

Băng hà là.....



Tháng 7/ 2008



Tháng 9/ 2018



Ilulissat ở Greenland - được mệnh danh là thủ phủ băng trôi của thế giới



Những bức ảnh trên nói đến hiện tượng gì? Nguyên nhân gây nên hiện tượng đó là gì?



3 Hoạt động luyện tập

Tại địa phương em sống có những con sông nào chảy qua?

Là học sinh em có thể làm gì để bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông nơi em đang sống và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu?



Là học sinh, em có thể làm gì để bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông và hồ ở nơi em đang sống?

4 Hoạt động vận dụng

Chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

- Thu thập thông tin và cho biết trong các sông: sông Đà, sông Luộc, sông Đuống, sông Lô, sông nào là lưu phụ, sông nào là chi lưu của sông Hồng
- Việc khai thác nước ngầm vượt quá giới hạn cho phép sẽ gây ra hậu quả như thế nào?

